TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH BẠC LIÊU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 61/2025/DS-PT
Ngày: 14 – 5 – 2025
V/v tranh chấp hụi

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẠC LIÊU

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Lệ Kiều

Các Thẩm phán: Ông Trương Thanh Dũng

Bà Giang Thị Cẩm Thúy

- Thư ký phiên tòa: Ông Đặng Văn Kép – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bạc Liêu.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bạc Liêu tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Ngọc Quyền - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 07 và 14 tháng 5 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bạc Liêu xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 48/2025/TLPT-DS ngày 25 tháng 3 năm 2025 về việc tranh chấp hụi.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 05/2025/DS-ST ngày 10 tháng 02 năm 2025 của Tòa án nhân dân huyện Hồng Dân, tỉnh Bạc Liêu bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 50/2025/QĐ-PT ngày 18 tháng 4 năm 2025, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Ngô Văn T, sinh năm 1964.

Địa chỉ: Ấp T, xã N, huyện H, tỉnh Bạc Liêu.

- Bị đơn: Bà Dương Thị B, sinh năm 1956.

Địa chỉ: Ấp T, xã N, huyện H, tỉnh Bạc Liêu.

- Người kháng cáo: Bà Dương Thị B là bị đơn.

(Ông T và bà B có mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 18/11/2024, lời khai trong quá trình tố tụng tại Tòa án và tại phiên tòa, nguyên đơn ông Ngô Văn T trình bày:

Trước đây ông có làm chủ hụi bà Dương Thị B có tham gia các dây hụi do ông tổ chức, cụ thể như sau:

Dây hụi 5.000.000 đồng mở ngày 22/02/2022 (âm lịch) có tất cả 25 chưng, mỗi tháng khui 01 lần, bà B có tham gia chơi 01 chưng, bà B đã hốt chưng hụi này vào kỳ khui hụi thứ 2. Sau khi hốt hụi thì bà B đóng được tới kỳ khui hụi thứ 15 thì ngưng đóng cho đến nay, hiện dây hụi này đã mãn vào ngày 22/01/2024. Số tiền hụi bà B còn nợ lại ông là 10 kỳ hụi mỗi kỳ là 5.000.000 đồng với số tiền là 50.000.000 đồng.

Dây hụi 5.000.000 đồng mở ngày 27/5/2022 (âm lịch) có tất cả 27 chưng, mỗi tháng khui 01 lần, bà B có tham gia chơi 01 chưng, bà B đã hốt chưng hụi này vào kỳ khui hụi thứ 9. Sau khi hốt hụi thì bà B đóng được tới kỳ khui hụi thứ 12 thì ngưng đóng cho đến nay, hiện dây hụi này đã mãn vào ngày 27/6/2024. Số tiền hụi bà B còn nợ lại ông là 15 kỳ hụi mỗi kỳ là 5.000.000 đồng với số tiền là 75.000.000 đồng.

Dây hụi 5.000.000 đồng mở ngày 27/02/2022 (âm lịch) có tất cả 28 chưng, mỗi tháng khui 01 lần, bà B có tham gia chơi 01 chưng, bà B đã hốt chưng hụi này vào kỳ khui hụi thứ 7. Sau khi hốt hụi thì bà B đóng được tới kỳ khui hụi thứ 15 thì ngưng đóng cho đến nay, hiện dây hụi này đã mãn vào ngày 27/4/2024. Số tiền hụi bà B còn nợ lại ông là 13 kỳ hụi mỗi kỳ là 5.000.000 đồng với số tiền là 65.000.000 đồng.

Dây hụi 2.000.000 đồng mở ngày 06/5/2022 (âm lịch) có tất cả 31 chưng, mỗi tháng khui 01 lần, bà B có tham gia chơi 01 chưng, bà B đã hốt chưng hụi này vào kỳ khui hụi thứ 2. Sau khi hốt hụi thì bà B đóng được tới kỳ khui hụi thứ 12 thì ngưng đóng cho đến nay, hiện dây hụi này đã mãn vào ngày 06/10/2024. Số tiền hụi bà B còn nợ lại ông là 19 kỳ hụi mỗi kỳ là 2.000.000 đồng với số tiền là 38.000.000 đồng.

Tổng cộng số tiền hụi chết bà B phải đóng cho ông đối với 04 chưng hụi nêu trên là 228.000.000 đồng. Tuy nhiên, trong thời gian sau khi ngưng đóng hụi cho đến ngày 05/7/2024 thì bà B có đóng lại cho ông số tiền hụi chết tổng cộng là 31.000.000 đồng, trong thời gian Tòa án giải quyết vụ án thì bà B có trả thêm cho ông số tiền 1.500.000 đồng, hiện còn nợ lại số tiền 195.500.000 đồng, cho đến nay bà B không có trả cho ông thêm khoản nào. Ông đã nhiều lần đến đòi bà B phải đóng hụi cho ông nhưng bà B cho rằng là bà B vô hụi dùm cháu của bà, nay cháu bà bỏ đi không đóng hụi nên bà không có khả năng đóng hụi cho ông, ông không đồng ý với lý do của bà B, vì khi giao dịch hụi thì bà B là người trực tiếp vô hụi, danh sách hụi đều ghi tên bà B; Việc khui hụi, đóng tiền hụi và khi hốt hụi bà B cũng là người nhận tiền. Nay ông yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà Dương Thị B phải có nghĩa vụ trả cho ông số tiền hụi còn thiếu là 195.500.000 đồng và lãi suất theo quy định pháp luật kể từ ngày 06/10/2024 (âm lịch) đến khi xét xử vụ án. Tại phiên tòa ông Ngô Văn T thay đổi yêu cầu tính lãi suất, ông yêu cầu tính lãi suất theo quy định pháp luật kể từ ngày 17/10/2024 (âm lịch) đến khi xét xử vụ án Ngoài ra ông không có yêu cầu nào khác.

Theo biên bản lấy lời khai ngày 09/12/2024, lời khai trong quá trình tố tụng tại Tòa án và tại phiên tòa, bị đơn bà Dương Thị B trình bày:

Trước đây, ông Ngô Văn T có tổ chức các dây hụi, bà có vô dùm chị Nguyễn Thị Hồng T1 (vợ anh T2) các dây hụi như sau:

Dây hụi 5.000.000 đồng mở ngày 22/02/2022 (âm lịch) có tất cả 25 chưng, mỗi tháng khui 01 lần, bà có tham gia chơi dùm 01 chưng, chưng hụi này chị T1 đã hốt, còn nợ lại 10 kỳ hụi mỗi kỳ là 5.000.000 đồng với số tiền là 50.000.000 đồng.

Dây hụi 5.000.000 đồng mở ngày 27/5/2022 (âm lịch) có tất cả 27 chưng, mỗi tháng khui 01 lần, bà có tham gia chơi dùm chị T1 01 chưng, chị T1 đã hốt chưng này, còn nợ lại 15 kỳ hụi mỗi kỳ là 5.000.000 đồng với số tiền là 75.000.000 đồng

Dây hụi 5.000.000 đồng mở ngày 27/02/2022 (âm lịch) có tất cả 28 chưng, mỗi tháng khui 01 lần, bà có tham gia chơi dùm 01 chưng, chưng hụi này chị T1 đã hốt, còn nợ lại 13 kỳ hụi mỗi kỳ là 5.000.000 đồng với số tiền là 65.000.000 đồng

Dây hụi 2.000.000 đồng mở ngày 06/5/2022 (âm lịch) có tất cả 31 chưng, mỗi tháng khui 01 lần, bà có tham gia chơi dùm 01 chưng, chưng hụi này chị T1 đã hốt, còn nợ lại 19 kỳ hụi mỗi kỳ là 2.000.000 đồng với số tiền là 38.000.000 đồng.

Trong thời gian chơi hụi do chị T1 bị bể nợ nên không có khả năng đóng hụi cho ông T nên còn nợ ông T số tiền hụi này. Vì trước đây bà cũng đã nhiều lần chơi hụi dùm chị T1 nhiều lần, các danh sách hụi thì ghi tên của bà chứ không có ghi tên chị T1, bà có nói với ông T là bà vô dùm chị T1 chứ không phải của bà, bà có yêu cầu ông T ghi tên chị T1 nhưng ông T cũng vẫn để tên bà trong các dây hụi, con bà là Trần Văn V cũng có nói với vợ chồng ông T là bà già không có khả năng chơi nhiều chưng hụi, vì tài sản bà đã ủy quyền cho con bà hết nhưng ông T vẫn không nói gì, vẫn đồng ý cho bà chơi dùm chị T1, các dây hụi này cũng có lần bà đi khui cũng có lần chị T1 đi khui. Tiền chung hụi thì ông T mang đến nhà bà giao cho chị T1, bà chỉ ngồi chứng kiến việc giao tiền hụi chứ bà không có nhận số tiền chung hụi nào của ông T. Còn việc gom tiền hụi hàng tháng thì chị T1 đưa bà đóng dùm ông T, do nhà bà với nhà ông T ở gần nhau, khi nào đóng tiền hụi trễ thì chị T1 trực tiếp vô đóng tiền hụi và tiền lãi cho ông T. Khi chị T1 bị bể hụi đi làm ăn thì hàng tháng có gửi tiền cho bà đóng dùm cho ông T, tổng số tiền chị T1 đưa bà đóng dùm là 32.500.000 đồng. Nay ông Ngô Văn T yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà có nghĩa vụ trả cho ông Ngô Văn T số tiền hụi còn thiếu là 195.500.000 đồng và lãi suất theo quy định pháp luật kể từ ngày 17/10/2024 (âm lịch) đến khi xét xử vụ án là bà không đồng ý, vì các dây hụi này bà vô dùm chị T1 chứ không có trực tiếp tham gia. Ngoài ra bà không có yêu cầu nào khác.

Chị Nguyễn Thị Hồng T1 trình bày: Chị có mối quan hệ họ hàng xa với bà Dương Thị B, còn ông T với bà không có mối quan hệ thân thích gì, trước đây bà có nhờ bà B vô dùm các dây hụi do ông T tổ chức như lời trình bày của ông T và bà B. Do làm ăn thất bại nên chị không có khả năng đóng hụi cho ông T, khi chị đi thành phố làm ăn chị có gửi mỗi tháng 2.000.000 đồng về cho bà B để đóng hụi cho ông

T, tổng số tiền chị đã đóng cho ông T là 32.500.000 đồng, hiện còn nợ lại số tiền hụi là 195.500.000 đồng. Nay ông T khởi kiện yêu cầu bà Dương Thị B giao trả số tiền hụi là 195.500.000 đồng và lãi suất theo quy định pháp luật kể từ ngày 17/10/2024 (âm lịch) đến khi xét xử vụ án thì chị đồng ý trả cho ông T số tiền hụi này, vì số tiền hụi này là chị nợ của ông T chứ bà B không có nợ của ông T.

Từ nội dung nêu trên, tại Bản án dân sự sơ thẩm số: 05/2025/DS-ST ngày 10 tháng 02 năm 2025 của Tòa án nhân dân huyện Hồng Dân, tỉnh Bạc Liêu đã tuyên xử:

1/. Chấp nhập toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Ngô Văn T đối với bà Dương Thị B về việc tranh chấp hụi. Buộc bà Dương Thị B có nghĩa vụ giao trả cho ông Ngô Văn T số tiền hụi là 200.043.412 đồng.

2/. Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu thêm khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án, theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ Luật dân sự năm 2015.

Ngoài ra, Bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí; quyền yêu cầu thi hành án và quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định của pháp luật.

Ngày 18 tháng 02 năm 2025, bà Dương Thị B có đơn kháng cáo bản án. Theo đó, bà B kháng cáo Bản án dân sự sơ thẩm số: 05/2025/DS-ST ngày 10 tháng 02 năm 2025 của Tòa án nhân dân huyện Hồng Dân, tỉnh Bạc Liêu; nội dung kháng cáo yêu cầu cấp phúc thẩm không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Ngô Văn T về việc buộc bà trả số tiền hụi 200.043.412 đồng.

Tại phiên tòa phúc thẩm bà B giữ nguyên kháng cáo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bạc Liêu phát biểu ý kiến:

Về thủ tục tố tụng: Thông qua kiểm sát việc giải quyết vụ án từ khi thụ lý vụ án đến trước khi Hội đồng xét xử vào phòng nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký và các đương sự chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự, không chấp nhận kháng cáo của bà Dương Thị B, giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số: 05/2025/DS-ST ngày 10 tháng 02 năm 2025 của Tòa án nhân dân huyện Hồng Dân, tỉnh Bạc Liêu.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu toàn bộ các tài liệu, chứng cứ có lưu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, nghe ý kiến tranh luận của các đương sự và ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bạc Liêu, sau khi thảo luận, nghị án, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Đơn kháng cáo của bà Dương Thị B trong thời hạn luật định, nên được chấp nhận xem xét, giải quyết theo thủ tục phúc thẩm.

[2] Xét kháng cáo của bị đơn yêu cầu cấp phúc thẩm sửa bản án theo hướng không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Ngô Văn T về việc buộc bà trả số tiền hụi 200.043.412 đồng. Hội đồng xét xử thấy rằng:

Ông T và bà B đều thống nhất ông T làm chủ hụi, ông T có mở các dây hụi và bà T thừa nhận có vô hụi, khui hụi, đóng hụi cho các dây hụi ông T làm chủ, thống nhất số tiền hụi chết của các dây hụi chưa thanh toán là 195.500.000đ. Do đó Tòa án cấp sơ thẩm xác định giữa ông T và bà B có giao dịch hụi với nhau là có xảy ra trên thực tế và đây là những tình tiết sự kiện không cần phải chứng minh theo quy định tại Điều 92 của Bộ luật Tố tụng Dân sự là có căn cứ.

Tuy nhiên bà B cho rằng các dây hụi ông T mở bà có tham gia nhưng tham gia giùm chị Nguyễn Thị Hồng T1 nên số tiền hụi chết của các dây hụi chưa thanh toán là 195.500.000đ là chị T1 nợ ông T, không phải bà nợ. Ông T xác định chỉ giao dịch hụi với bà B và không thừa nhận có giao dịch hụi với chị T1. Xét lời khai của bà B thừa nhận ông T có giao danh sách hụi viên cho bà, danh sách ghi tên bà mà không ghi tên người tham gia chơi hụi là T1 hoặc không có ghi là chơi hụi giùm chị T1, trong quá trình chơi hụi bà có vô hụi, khui hụi, đóng hụi chết cho ông T; cho nên các khai này của bà phù hợp với danh sách hụi do ông T cung cấp cũng như lời khai của ông T. Xét các lời khai của bà B cho rằng bà có yêu cầu ông T ghi lại danh sách hụi tên T1 nhưng ông T vẫn ghi tên bà, cho rằng việc vô hụi giùm chị T1 là bà có nói với ông T và ông T đồng ý việc này, các dây hụi có lần chị T1 đi khui hụi, tiền chung hụi do ông T mang đến nhà giao cho T1, bà chỉ chứng kiến, bà không có nhận tiền hụi từ ông T, tiền đóng hụi chết cho ông T là của T1 nhờ bà đóng giùm; các lời khai này của bà B thì ông T không thừa nhận và bà B không có tài liệu, chứng cứ chứng minh cho các lời khai này. Xét lời khai của chị T1 xác định tiền hụi còn nợ ông T là chị nợ, không phải bà B nợ do bà B chỉ là người tham gia chơi hụi giùm chị, thỉnh thoảng chị có khi khui hụi, đóng hụi, chị là người trực tiếp nhận tiền hốt hụi từ ông T tại nhà bà B; tuy nhiên ông T xác định từ trước đến nay chị T1 không tham gia chơi hụi do ông làm chủ hụi, ngoài lời khai chị T1 cũng không có tài liệu, chứng cứ chứng minh cho các lời khai này là có căn cứ. Do đó Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu của ông T buộc bà B trả số tiền hụi 195.500.000đ là có căn cứ.

Xét yêu cầu tính lãi suất chậm trả trên số tiền nợ hụi 195.500.000đ từ ngày 10/7/2024 (âm lịch), được quy đổi thành ngày 17/11/2024 dương lịch đến ngày xét xử với mức lãi suất theo quy định của pháp luật. Thấy rằng: Theo quy định tại khoản 2 Điều 22 Nghị định số 19 ngày 19/02/2019 của Chính phủ quy định về họ, hụi, biêu, phường quy định:

"2. *Trường hợp đến kỳ mở họ mà thành viên đã lĩnh họ không góp phần họ hoặc góp phần họ không đầy đủ thì phải trả lãi như sau:*

b) Trường hợp họ có lãi, lãi suất được xác định theo mức quy định tại khoản 5 Điều 466 của Bộ luật dân sự đối với họ có lãi.

Tại khoản 5 Điều 466 của Bộ luật Dân sự quy định:

"5. *Trường hợp vay có lãi mà khi đến hạn bên vay không trả hoặc trả không đầy đủ thì bên vay phải trả lãi như sau:*

a) Lãi trên nợ gốc theo lãi suất thỏa thuận trong hợp đồng tương ứng với thời hạn vay mà đến hạn chưa trả; trường hợp chậm trả thì còn phải trả lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật này;

b) Lãi trên nợ gốc quá hạn chưa trả bằng 150% lãi suất vay theo hợp đồng tương ứng với thời gian chậm trả, trừ trường hợp có thỏa thuận khác".

Tại Điều 468 Bộ luật Dân sự quy định:

1. Lãi suất vay do các bên thỏa thuận.

Trường hợp các bên có thỏa thuận về lãi suất thì lãi suất theo thỏa thuận không được vượt quá 20%/năm của khoản tiền vay, trừ trường hợp luật khác có liên quan quy định khác. Căn cứ tình hình thực tế và theo đề xuất của Chính phủ, Ủy ban thường vụ Quốc hội quyết định điều chỉnh mức lãi suất nói trên và báo cáo Quốc hội tại kỳ họp gần nhất.

Trường hợp lãi suất theo thỏa thuận vượt quá lãi suất giới hạn được quy định tại khoản này thì mức lãi suất vượt quá không có hiệu lực.

2. Trường hợp các bên có thỏa thuận về việc trả lãi, nhưng không xác định rõ lãi suất và có tranh chấp về lãi suất thì lãi suất được xác định bằng 50% mức lãi suất giới hạn quy định tại khoản 1 Điều này tại thời điểm trả nợ".

Như vậy yêu cầu tính lãi của ông T đối với bà B trên số tiền nợ hụi chưa trả là có căn cứ xem xét. Theo quy định nêu trên thì mức lãi suất được áp dụng là 10%/năm, tương đương 0,83%/tháng. Thời hạn tính từ ngày 17/11/2024 đến ngày 10/02/2025 là 02 tháng 24 ngày, cụ thể số tiền lãi bà B có nghĩa vụ trả cho ông T như sau: 195.500.000đ x 02 tháng 24 ngày x 0,83%/tháng = 4.543.412 đồng. Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu tính lãi của ông T và buộc bà B trả số tiền lãi 4.543.412 đồng là có căn cứ.

Tại phiên tòa phúc thẩm bà B cũng không cung cấp thêm chứng cứ nào khác chứng minh cho yêu cầu kháng cáo của mình là có căn cứ nên Hội đồng xét xử không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của bà B.

[4] Từ những phân tích nêu trên, không có căn cứ chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà Dương Thị B; Có căn cứ chấp nhận ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên, áp dụng khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự, giữ nguyên Bản án sơ thẩm số: 05/2025/DS-ST ngày 10 tháng 02 năm 2025 của Tòa án nhân dân huyện Hồng Dân, tỉnh Bạc Liêu.

[5] Án phí dân sự phúc thẩm, bà Dương Thị B phải chịu 300.000đ. Tuy nhiên bà B là người cao tuổi, có đơn xin miễn án phí nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; Điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 2 Điều 92; Điều 357; Điều 468 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

Căn cứ vào Điều 471 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Nghị định 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 của Chính phủ quy định về hụi, họ, biêu phường;

Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà Dương Thị B. Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số: 05/2025/DS-ST ngày 10 tháng 02 năm 2025 của Tòa án nhân dân huyện Hồng Dân, tỉnh Bạc Liêu.

Tuyên xử:

1/. Chấp nhập toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Ngô Văn T đối với bà Dương Thị B về việc tranh chấp hụi. Buộc bà Dương Thị B có nghĩa vụ giao trả cho ông Ngô Văn T số tiền hụi là 200.043.412 đồng.

2/. Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu thêm khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án, theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

3. Về án phí dân sự

- Án phí dân sự sơ thẩm: Bà Dương Thị B được miễn nộp án phí.

- Án phí dân sự phúc thẩm: Bà Dương Thị B được miễn nộp án phí.

5. Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- TANDCC tại TP. Hồ Chí Minh;
- VKSND tỉnh Bạc Liêu;
- TAND huyện Hồng Dân;
- CCTHADS huyện Hồng Dân;
- Đương sự;
- Lưu, Tổ HCTP.

Nguyễn Lệ Kiều